

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC LUẬT HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC**

**MỞ TẠI: TRƯỜNG CÁN BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH-K13-VB2 (2014-2017)**

*Kèm theo QĐ số: /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội*

| STT | SBD   | Họ và Tên        |       | Ngày sinh | Phái | Nơi sinh    | Nơi cử đi học                    | ƯT | ĐM1  | ĐM2  | ĐTC   | Ghi chú |
|-----|-------|------------------|-------|-----------|------|-------------|----------------------------------|----|------|------|-------|---------|
| 1   | 00001 | Lê Văn           | Anh   | 15/10/90  | Nữ   | Tp.HCM      | Phường 5, Quận 5, Tp. HCM        |    | 3.00 | 6.00 | 9.00  |         |
| 2   | 00002 | Nguyễn Thị Kim   | Anh   | 27/12/75  | Nữ   | Tp. HCM     | UBND P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú  | 01 | 4.50 | 7.00 | 11.50 |         |
| 3   | 00003 | Nguyễn Thị Quỳnh | Anh   | 20/07/89  | Nữ   | Thái Nguyên | Bệnh viện Quận Gò Vấp            | 02 | 4.50 | 6.00 | 10.50 |         |
| 4   | 00004 | Trương Quốc      | Bình  | 08/09/80  |      | Long An     | UBND P. Phú Mỹ, Quận 7           | 01 | 4.00 | 6.00 | 10.00 |         |
| 5   | 00005 | Nguyễn Văn       | Cầu   | 02/09/64  |      | Tp.HCM      | P. Pháp chế, Sở Xây dựng Tp.HCM  | 01 | 3.00 | 7.00 | 10.00 |         |
| 6   | 00006 | Nguyễn Đình      | Chiến | 08/07/69  |      | Hà Nội      | CTTNHHDV Bảo vệ TNXP             | 01 | 4.50 | 6.00 | 10.50 |         |
| 7   | 00007 | Ngô Thị Kim      | Chi   | 24/09/82  | Nữ   | Tp. HCM     | UBND P. Bình an, Quận 2          | 01 | 4.00 | 5.50 | 9.50  |         |
| 8   | 00008 | Nguyễn Thị Bảo   | Chi   | 03/04/86  | Nữ   | Bình Dương  | UBND P. Bình An, Quận 2          |    | 5.00 | 7.00 | 12.00 |         |
| 9   | 00009 | Đặng Kim         | Dung  | 05/04/81  | Nữ   | Tp. HCM     | UBND P. Bình An, Quận 2          | 01 | 4.50 | 7.00 | 11.50 |         |
| 10  | 00010 | Lê Hồ Ngọc       | Dung  | 02/05/87  | Nữ   | Tp. HCM     | VP Quận ủy Tân Phú               | 02 | 5.00 | 7.00 | 12.00 |         |
| 11  | 00011 | Ngô Anh          | Duy   | 08/10/81  |      | Tp HCM      | sở Nội vụ Tp. HCM                | 01 | 5.50 | 6.00 | 11.50 |         |
| 12  | 00012 | Bùi Trung        | Dũng  | 13/03/82  |      | Tp.HCM      | CTTNHHTMV Lúa Thơm               | 02 | 3.50 | 7.00 | 10.50 |         |
| 13  | 00013 | Lê Hoàng         | Dũng  | 03/07/74  |      | Tp.HCM      | Sở Xây dựng Tp.HM                | 01 | 4.75 | 7.00 | 12.00 |         |
| 14  | 00014 | Nguyễn Hữu       | Dũng  | 09/09/79  |      | Hà Nội      | Phường 6, Quận Bình Thạnh        |    | 4.50 | 6.00 | 10.50 |         |
| 15  | 00015 | Tô Văn           | Dũng  | 15/11/87  |      | Tp HCM      | UBND Xã Phạm Văn Hai, Bình Chánh |    | 4.00 | 6.00 | 10.00 |         |
| 16  | 00016 | Nguyễn Ngọc Thùy | Dương | 01/02/83  | Nữ   | TpHCM       | UBND P. 14, Quận Bình Thạnh      | 01 | 4.50 | 6.00 | 10.50 |         |
| 17  | 00017 | Huỳnh Phạm Minh  | Đương | 18/11/88  |      | Lâm Đồng    | Phường 13, Quận Tân Bình         |    | 5.00 | 6.50 | 11.50 |         |
| 18  | 00019 | Phùng Trọng      | Đức   | 15/04/83  |      | Tp.HCM      | UBND Quận Bình Tân               | 01 | 4.75 | 5.50 | 10.50 |         |
| 19  | 00020 | Nguyễn Thị Thu   | Hà    | 11/08/73  | Nữ   | Hà Nội      | Đội QL thị trường Quận Gò Vấp    | 01 | 5.00 | 7.00 | 12.00 |         |
| 20  | 00022 | Nguyễn Thị Hồng  | Hạnh  | 22/11/83  | Nữ   | Tiền Giang  | Phòng Tư pháp Quận 4             | 02 | 5.00 | 7.00 | 12.00 |         |
| 21  | 00023 | Trần Lê Hồng     | Hạnh  | 26/03/84  | Nữ   | Tp.HCM      | UBND P.1, Quận Tân Bình          |    | 4.50 | 7.00 | 11.50 |         |
| 22  | 00024 | Bùi Thị Diễm     | Hằng  | 10/11/82  | Nữ   | Vĩnh Long   | UBND P 14, Quận Bình Thạnh       | 01 | 4.50 | 6.50 | 11.00 |         |
| 23  | 00025 | Đào Thị          | Hiếu  | 03/05/72  | Nữ   | Bình Dương  | VP Luật sư Thành Luận Sài Gòn    |    | 4.50 | 7.00 | 11.50 |         |
| 24  | 00026 | Trương Văn       | Hiền  | 04/12/77  |      | Tiền Giang  | Phường Tân Thành, Tân Phú        |    | 4.50 | 6.00 | 10.50 |         |
| 25  | 00027 | Trần Huy         | Hoàng | 05/08/90  |      | Tp.HCM      | Ngân hàng Phương Nam             |    | 4.50 | 7.00 | 11.50 |         |

| STT | SBD   | Họ và Tên         |        | Ngày sinh | Phái | Nơi sinh   | Nơi cử đi học                    | ƯT | ĐM1  | ĐM2  | ĐTC   | Ghi chú |
|-----|-------|-------------------|--------|-----------|------|------------|----------------------------------|----|------|------|-------|---------|
| 26  | 00028 | Nguyễn Thanh      | Hồng   | 20/11/88  |      | Quảng Nam  | VP Công chứng Hội nhập           | 02 | 4.00 | 5.00 | 9.00  |         |
| 27  | 00029 | Hứa Hồng Hoàng    | Huyền  | 27/10/80  | Nữ   | Bến Tre    | P. Tài nguyên -MT Q. Bình Thạnh  | 01 | 5.50 | 5.50 | 11.00 |         |
| 28  | 00030 | Nguyễn Thị Thanh  | Huyền  | 20/08/78  | Nữ   | Tp. HCM    | Văn phòng UBND Quận 4            | 01 | 5.00 | 6.50 | 11.50 |         |
| 29  | 00031 | Phan Nguyễn Quang | Huy    | 08/09/82  |      | Lâm Đồng   | Ngân hàng Phương Nam             | 01 | 5.00 | 7.00 | 12.00 |         |
| 30  | 00032 | Trần Quang        | Huy    | 01/02/81  |      | Tp. HCM    | Chi cục QL thị trường Tp. HCM    | 01 | 5.50 | 7.00 | 12.50 |         |
| 31  | 00033 | Trương Kim        | Hùng   | 04/06/74  |      | Tp. HCM    | Bệnh viện Chợ Rẫy                | 01 | 4.00 | 6.00 | 10.00 |         |
| 32  | 00034 | Trần Ngọc         | Hưng   | 11/02/84  |      | Tp. HCM    | UBND P. Bến Nghé, quận 1         | 01 | 5.00 | 6.50 | 11.50 |         |
| 33  | 00035 | Huỳnh Thị Lan     | Hương  | 25/10/60  | Nữ   | Vĩnh Long  | CTTNHHĐV Hưng quý                |    | 4.25 | 5.50 | 10.00 |         |
| 34  | 00036 | Bùi Xuân          | Khoa   | 17/05/81  |      | Bà Rịa-VT  | UBND Quận Bình Thạnh             |    | 5.00 | 6.50 | 11.50 |         |
| 35  | 00037 | Vũ Hoàng Đăng     | Khoa   | 10/08/89  |      | Tp.HCM     | Phường 5, Quận Bình Thạnh        |    | 4.00 | 5.00 | 9.00  |         |
| 36  | 00038 | Hồ Trung          | Kiên   | 10/07/83  |      | Tp. HCM    | UBND Phường 13, quận Tân Bình    |    | 5.00 | 7.00 | 12.00 |         |
| 37  | 00039 | Viên Đình         | Lại    | 08/03/90  |      | Thanh Hóa  | BV CTCH Sài gòn                  |    | 7.00 | 7.00 | 14.00 |         |
| 38  | 00040 | Nguyễn Thụy Ngọc  | Lam    | 23/01/79  | Nữ   | Đồng Nai   | Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM | 01 | 5.00 | 6.00 | 11.00 |         |
| 39  | 00041 | Lê Văn            | Lập    | 27/12/82  |      | Vĩnh Long  | Tổng CT Xây dựng Sài gòn         | 02 | 5.00 | 6.00 | 11.00 |         |
| 40  | 00042 | Ngô Thị Bích      | Lê     | 26/01/78  | Nữ   | Tp. HCM    | UBND P.24, Quận Bình Thạnh       | 01 | 4.50 | 6.00 | 10.50 |         |
| 41  | 00043 | Lê Mạnh           | Linh   | 21/03/90  |      | Nam Định   | P. Tân Thuận Tây, Quận 7         |    | 4.50 | 5.00 | 9.50  |         |
| 42  | 00044 | Vũ Nam            | Long   | 29/08/76  |      | Tp.HCM     | CT Thủy sản Việt Nam             | 01 | 4.00 | 6.00 | 10.00 |         |
| 43  | 00045 | Đoàn Mộng         | Lộc    | 11/02/76  |      | Tp. HCM    | Cty Hoa tiêu hàng hải khu vực 1  | 01 | 5.00 | 6.00 | 11.00 |         |
| 44  | 00046 | Vũ Hoàng          | Minh   | 01/01/84  |      | Tp. HCM    | Đội QL thị trường Thủ Đức        | 01 | 5.00 | 6.00 | 11.00 |         |
| 45  | 00047 | Đình Văn          | Nam    | 24/08/76  |      | Tp. HCM    | Đội thanh tra địa bàn Quận 7     | 01 | 4.50 | 5.00 | 9.50  |         |
| 46  | 00048 | Nguyễn Thị Hồng   | Ngọc   | 02/12/85  | Nữ   | Tp.HCM     | UBND P. Bình An, Quận 2          | 01 | 5.00 | 7.00 | 12.00 |         |
| 47  | 00049 | Nguyễn Đức Bảo    | Nguyên | 28/07/84  |      | Tp. HCM    | P. Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú     |    | 4.00 | 6.00 | 10.00 |         |
| 48  | 00050 | Nguyễn Khắc Sinh  | Nhật   | 03/11/89  |      | Tp. HCM    | P.26, Quận Bình Thạnh            |    | 4.50 | 5.50 | 10.00 |         |
| 49  | 00051 | Nguyễn Thị Minh   | Như    | 02/10/89  | Nữ   | TT Huế     | VP Công chứng Thủ Thiêm          |    | 5.00 | 7.00 | 12.00 |         |
| 50  | 00052 | Nguyễn Thị Kiều   | Oanh   | 05/02/88  | Nữ   | Tp. HCM    | Hội chữ thập đỏ Quận Tân Bình    |    | 4.00 | 6.00 | 10.00 |         |
| 51  | 00053 | Lê Bá             | Phúc   | 29/01/77  |      | Bến Tre    | P. Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân  |    | 3.75 | 6.00 | 10.00 |         |
| 52  | 00054 | Trần Gia          | Phúc   | 16/08/79  |      | Bình Thuận | BQL đầu tư XDCT Q. Bình Thạnh    | 01 | 4.50 | 6.50 | 11.00 |         |
| 53  | 00055 | Phạm Hữu          | Phương | 15/04/73  |      | Quảng Bình | CTTNHHĐV Bảo vệ TNXP             | 01 | 3.75 | 6.00 | 10.00 |         |
| 54  | 00056 | Trần An           | Phương | 17/02/85  |      | Ninh Bình  | Chi cục QLThị trường Tp. HCM     | 02 | 5.00 | 6.00 | 11.00 |         |
| 55  | 00057 | Trần Hoài         | Phượng | 22/07/81  |      | Tp. HCM    | Đội QLTT Huyện Củ Chi            | 01 | 5.00 | 5.50 | 10.50 |         |

| STT | SBD   | Họ và Tên         |        | Ngày sinh | Phái | Nơi sinh   | Nơi cử đi học                   | ƯT | ĐM1  | ĐM2  | ĐTC   | Ghi chú  |
|-----|-------|-------------------|--------|-----------|------|------------|---------------------------------|----|------|------|-------|----------|
| 56  | 00058 | Trần Thị Kim      | Phượng | 10/08/82  | Nữ   | Tp. HCM    | UBND P. Bình An, Quận 2         | 01 | 5.50 | 5.50 | 11.00 |          |
| 57  | 00059 | Lê Phan Vương     | Quốc   | 16/07/71  |      | Sài Gòn    | Tr. Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu  | 01 | 4.50 | 6.50 | 11.00 |          |
| 58  | 00060 | Bùi Thị Đỗ        | Quyên  | 05/08/80  | Nữ   | Tây Ninh   | BQL Khu kinh tế Tây Ninh        | 01 | 4.00 | 5.50 | 9.50  |          |
| 59  | 00061 | Phạm Thị Thảo     | Quyên  | 21/04/88  | Nữ   | Tp. HCM    | Phường 7, Quận 8, Tp.HCM        |    | 4.00 | 6.00 | 10.00 |          |
| 60  | 00062 | Nguyễn Thị Phương | Quỳnh  | 04/06/85  | Nữ   | Tp. HCM    | UBND P. Tân Kiểng, Quận 7       | 01 | 4.50 | 6.00 | 10.50 |          |
| 61  | 00063 | Nguyễn Thành      | Son    | 20/10/79  |      | Quảng Nam  | Sở VHTH và Du lịch Tp. HCM      |    | 3.50 | 6.00 | 9.50  |          |
| 62  | 00064 | Trần Như Thiên    | Son    | 04/04/79  |      | Tp. HCM    | Nhà Thiếu nhi Quận Bình Thạnh   | 01 | 4.00 | 6.50 | 10.50 |          |
| 63  | 00065 | Nguyễn Thị        | Tam    | 20/01/91  | Nữ   | Nghệ An    | Huyện Tân Thành, Bà Rịa-VT      |    | 4.00 | 6.50 | 10.50 |          |
| 64  | 00066 | Nguyễn Thị Thanh  | Tâm    | 25/08/80  | Nữ   | Bến Tre    | Phường 5, Quận 8, TpHCM         |    | 4.50 | 5.50 | 10.00 |          |
| 65  | 00067 | Nguyễn Huy        | Thanh  | 17/04/72  |      | Tp. HCM    | Cty Điện lực phú Thọ            | 01 | 5.50 | 5.00 | 10.50 |          |
| 66  | 00068 | Đào Ngọc Thanh    | Thảo   | 21/09/90  | Nữ   | Tp. HCM    | VPĐKQSDĐ Quận Bình Thạnh        |    | 4.50 | 6.00 | 10.50 |          |
| 67  | 00069 | Nguyễn Thị Phương | Thảo   | 26/06/83  | Nữ   | Trà Vinh   | Phường 14, Quận 10              | 02 | 4.50 | 6.00 | 10.50 |          |
| 68  | 00070 | Đinh Công         | Thiện  | 27/07/85  |      | Tp.HCM     | Thanh tra Sở Xây dựng Tp. HCM   |    | 5.00 | 5.50 | 10.50 |          |
| 69  | 00071 | Nguyễn Văn        | Thịnh  | 26/08/78  |      | Hà Tĩnh    | Phường Sơn Nhì, Tân Phú, Tp.HCM |    | 4.50 | 6.00 | 10.50 |          |
| 70  | 00072 | Trần Thị Ngọc     | Thúy   | 09/10/83  | Nữ   | Tây Ninh   | Cty TNHH NGK Coca Cola          |    | 4.75 | 6.50 | 11.50 |          |
| 71  | 00073 | Hà Thị Thu        | Thủy   | 11/07/77  | Nữ   | Tp. HCM    | CTTHHH Nguyên Hà                | 01 | 5.00 | 7.00 | 12.00 |          |
| 72  | 00074 | Nguyễn Thị Thanh  | Thủy   | 05/07/74  | Nữ   | Son La     | Chi cục QL thị trường TpHCM     | 01 | 2.00 | 7.00 | 9.00  |          |
| 73  | 00075 | Phạm Ngọc         | Trâm   | 15/03/82  | Nữ   | TpHCM      | Phường 7, Quận 5, Tp.HCM        |    | 3.00 | 6.00 | 9.00  |          |
| 74  | 00076 | Đỗ Thị Tuyết      | Trình  | 26/03/89  | Nữ   | Đồng Nai   | VP Công chứng Lê Tâm            |    | 4.50 | 7.00 | 11.50 |          |
| 75  | 00077 | Trần Tân          | Trung  | 10/09/65  |      | Tp. HCM    | CTTNHHTMDV Hồng Giang           | 01 | 5.00 | 6.00 | 11.00 |          |
| 76  | 00078 | Phạm Thanh        | Tuấn   | 01/01/72  |      | Tiền Giang | UBND Phường 9 Quận 5            | 01 | 5.00 | 6.00 | 11.00 |          |
| 77  | 00079 | Phạm Vĩnh         | Tuấn   | 21/04/85  |      | Tp. HCM    | Xã Phước Lộc, Nhà Bè, Tp.HCM    |    | 3.25 | 5.00 | 8.50  |          |
| 78  | 00080 | Huỳnh Thị Cẩm     | Tú     | 03/07/85  | Nữ   | Bà Rịa-VT  | VPĐKQSDĐ Quận 2                 |    | 4.00 | 5.50 | 9.50  |          |
| 79  | 00082 | Nguyễn Thanh      | Tùng   | 28/02/88  |      | Tp.HCM     | Đội QLTT 12B                    |    | 4.00 | 6.00 | 10.00 |          |
| 80  | 00083 | Vũ Thị Thúy       | Vân    | 23/06/84  | Nữ   | Hải Phòng  | UBND P.12, Quận Phú Nhuận       |    | 4.00 | 6.50 | 10.50 |          |
| 81  | 00084 | Nguyễn Đức        | Việt   | 04/02/75  |      | TT Huế     | Phường 22, Quận Bình Thạnh      |    | 4.50 | 7.00 | 11.50 |          |
| 82  | 00085 | Bùi Hải Thiên     | Vũ     | 06/06/82  |      | Tp. HCM    | Phòng TN-MT, UBND Q. Bình Thạnh |    | 5.00 | 7.00 | 12.00 |          |
| 83  | 00086 | Nguyễn Hoàng Phi  | Yến    | 19/05/78  | Nữ   | Bến Tre    | Trung tâm BTXH Chánh Phú Hòa    | 01 | 4.50 | 6.00 | 10.50 |          |
| 84  | 00100 | Nguyễn Huy        | Hoàng  | 04/06/81  |      | Hà Nội     | VP đại diện Cty Ulvac           |    | .    | .    | .     | Miễn thi |

